

Bản án số: 09/2019/HS-ST
Ngày 16 tháng 7 năm 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG VĂN TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Xuân Long

Các hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Hoàng Ngọc Thanh

2/ Ông Nguyễn Văn Chiêu

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Châu Giang - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đồng Văn tỉnh Hà Giang, tham gia phiên toà: Ông Đỗ Tuấn Sỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Đồng Văn tỉnh Hà Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 10/2019/HS-ST ngày 31 tháng 5 năm 2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2019/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 6 năm 2019, đối với các bị cáo:

- SÙNG MÍ S, tên gọi khác: Sùng Nỏ S, sinh năm 1977; tại xã S, huyện Đ, tỉnh H; Nơi cư trú: Thôn H, xã S, huyện Đ, tỉnh H; dân tộc: Mông; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 2/12; nghề nghiệp: Làm nương; con ông Sùng Chử N, sinh năm 1948 và bà Sùng Thị M, sinh năm 1948; vợ Mua Thị D, sinh năm 1980; có 06, con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Chưa; bị bắt tạm giam từ ngày 14/5/2019, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ, có mặt.

- **Người bào chữa cho bị cáo:** Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Trợ giúp viên pháp lý; Nơi làm việc: Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh H, có mặt.

- Người tham gia tố tụng khác:

- Người bị hại:

1. Chị Sùng Thị T, sinh năm 1981; Địa chỉ: Thôn H, xã S, huyện Đ, tỉnh H, có mặt;

2. Anh Sùng Mí C, sinh năm 1980; Địa chỉ: Thôn H, xã S, huyện Đ, tỉnh H, có đơn xin vắng mặt;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Mua Thị D, sinh năm 1980; Địa chỉ: Thôn H, xã S, huyện Đ, tỉnh H, có

mặt;

2. Anh Sùng Mí S, sinh năm 2000; Địa chỉ: Thôn H, xã S, huyện Đ, tỉnh H, có đơn xin vắng mặt;

3. Anh Giàng Mí S, sinh năm 1978; Địa chỉ: xã L, huyện Đ, tỉnh H, có đơn xin vắng mặt;

- Người làm chứng:

1. Bà Sùng Thị M, sinh năm 1948; Địa chỉ: Thôn H, xã S, huyện Đ, tỉnh H, có đơn xin vắng mặt;

2. Chị Vàng Thị D, sinh năm 1969; Địa chỉ: Thôn H, xã S, huyện Đ, tỉnh H, có mặt;

3. Chị Sùng Thị S, sinh năm 1972; Địa chỉ: Thôn H, xã S, huyện Đ, tỉnh H, vắng mặt có lý do;

- **Người phiên dịch:** Ông Mua Mí Chứ, trú tại: Xã Pải Lũng, huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ 00 phút ngày 21/11/2018, Sùng Mí S, sinh năm 1977, trú tại thôn H, xã S, huyện Đ, tỉnh H đi từ nhà lên nhà chị dâu là Vàng Thị D1, sinh năm 1969, trú cùng thôn (*trước khi đi Sùng đứt vào túi quần 01 con dao, loại dao gấp nhọn, màu đen dài 21cm cả chuôi dao, phần lưỡi dao dài 09 cm, bản rộng nhất 02cm*), khi lên đến nơi không thấy chị D, chỉ thấy mẹ đẻ là bà Sùng Thị M, sinh năm 1948 đang ở trong nhà, thấy vậy S bảo với bà M đi xuống nhà S ăn sáng rồi cùng S đi tìm vợ là Mua Thị D, sinh năm 1980 (*do Sùng thường xuyên đánh nên Dính đã bỏ nhà đi đâu Sùng không biết*), nghe S nói vậy, bà M nói: “*Từ từ đã*” nên S liền cãi nhau với bà M rồi S dùng tay kéo bà M đi xuống nhà S, khi nghe thấy tiếng cãi chửi nhau giữa S với bà M, Sùng Mí C, sinh năm 1980 (*là em trai ruột của S*), Sùng Thị T, sinh năm 1981 (*vợ C*) mỗi người cầm theo một thanh củi dài khoảng 01m, còn Vàng Thị D1 (*chị dâu S*) cầm theo 01 chiếc chổi quét nhà (*vì trước đó mỗi lần Sùng Mí S cãi, chửi nhau với vợ và anh em trong gia đình S đều mang dao theo người nên C, Thò, D1 cầm thanh củi để đề phòng*), đi từ ngoài qua cửa ngách để vào trong nhà, thấy S đang lôi, kéo bà M nên C cầm thanh củi đập vào cẳng chân bên phải của S (*không gây thương tích cho S*), S liền buông tay bà M ra rồi dùng tay phải móc trong túi quần bên phải lấy ra con dao nhọn, thấy vậy C liền lao về phía S để tước con dao trên tay của S, tay trái C cầm vào phần lưỡi dao còn S cầm phần chuôi dao, C và S vật lộn nhau rồi ngã xuống nền nhà, lúc này S giật mạnh con dao ra làm ngón tay trở bên trái của C bị cắt và chảy máu, khi biết tay mình bị thương, chảy máu C vùng dậy chạy ra ngoài, S đứng dậy để đuổi theo C, ngay lúc đó S nhìn thấy chị T đang cầm một thanh củi đứng cách chỗ S và C vật lộn nhau khoảng 01m, S liền dùng con dao đang cầm trên tay phải đâm về phía chị T trúng vào phần nách bên trái làm chị T bị thương, sau khi bị S dùng dao

đâm chị T bỏ chạy theo C và Vàng Thị D1 ra ngoài, lúc này khoảng 07 giờ 10 phút cùng ngày, S không đuổi theo mà cầm dao đi ra ngoài qua cửa ngách chạy lên rừng phía sau nhà chị D1, ngồi được khoảng 05 phút thì đi về nhà mình lấy nước rửa các vết máu trên người. Còn chị T sau khi bị đâm chạy được ra ngoài đã được gia đình đưa đi cấp cứu tại Trạm y tế xã S, huyện Đ, sau đó vụ việc được Công an xã S báo cáo lên Công an huyện Đ để giải quyết theo thẩm quyền. Ngày 14/01/2019 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã tiến hành khởi tố vụ án, khởi tố bị can và áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Sùng Mí S

Ngày 06/12/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ ra Quyết định trưng cầu giám định số 05/QĐ-TCGD trưng cầu Trung tâm giám định pháp y tỉnh H yêu cầu: Giám định tỷ lệ phần trăm (%) thương tích đối với Sùng Thị T.

Tại bản kết luận giám định pháp y số: 120/TgT ngày 11/12/2018 của Trung tâm giám định pháp y tỉnh H, kết luận:

1. Dấu hiệu chính qua giám định: Vết thương phần mềm không ảnh hưởng đến thẩm mỹ: 2%;
2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 2% (hai phần trăm).

Ngày 15/12/2018 Sùng Thị T có đơn đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ xử lý Sùng Mí S theo đúng quy định của pháp luật, quá trình điều tra Sùng Mí S có biểu hiện, thái độ không bình thường.

Ngày 15/01/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ ra Quyết định trưng cầu giám định số 11/QĐ-TCGD gửi Trung tâm pháp y tâm thần khu vực miền núi phía Bắc giám định tâm thần đối với bị can Sùng Mí S (tên gọi khác Sùng Nở S) sinh năm 1977, ở thôn H, xã S, huyện Đ, tỉnh H.

Tại bản kết luận giám định số 07/2019/PYTT ngày 31/01/2019 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực miền núi phía Bắc, kết luận:

1. Bị can Sùng Mí S (tên gọi khác Sùng Nở S), sinh năm 1977, ở thôn H, xã S, huyện Đ, tỉnh H không bị tâm thần.
2. Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội ngày 21/11/2018 Sùng Mí S không bị bệnh tâm thần, đủ khả năng nhận thức và đủ khả năng điều khiển hành vi.
3. Hiện tại Sùng Mí S đủ khả năng nhận thức và đủ khả năng điều khiển hành vi.

Ngày 18/02/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ ra Quyết định trưng cầu giám định số 17/QĐ-TCGD trưng cầu Viện khoa học hình sự Bộ Công an, giám định 01 con dao gấp (nhọn) màu đen có chiều dài 21cm cả chuôi dao, phần lưỡi dao dài 09cm, bản rộng nhất 02cm, phần chuôi và lưỡi dao có dính chất màu nâu đỏ đã khô.

Mẫu so sánh: Mẫu tóc của Sùng Thị T, sinh năm 1981, trú tại thôn H, xã S, huyện Đ, tỉnh H.

Nội dung cần giám định: Trên con dao gửi giám định có dính máu người không? Nếu có thì có phải máu của Sùng Thị T không?

Tại bản kết luận giám định số 840/C09(TT3) ngày 29/3/2019 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận:

1. Trên con dao găm giám định có dính dấu vết máu người màu nâu tại phần chuôi và lưỡi dao.

2. Kiểu ghen (AND) phân tích từ dấu vết máu này cho thấy: Các dấu vết máu màu nâu dính trên lưỡi và chuôi dao đều là máu của một người nam giới, không phải máu của Sùng Thị T.

3. Lưu các kiểu gen phân tích được tại Viện khoa học hình sự Bộ Công an.

Trong quá trình điều tra, bị can S không chấp hành đúng các nghĩa vụ đã cam đoan, ngày 09/5/2019 bị can tiếp tục có hành vi đánh đập và trói vợ là Mua Thị D. Xét thấy bị can đã vi phạm nghĩa vụ đã cam đoan, căn cứ khoản 2 Điều 123 và khoản 2 Điều 119 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, để kịp thời ngăn chặn hành vi phạm tội của bị can, xét thấy cần thiết phải áp dụng biện pháp tạm giam đối với bị can. Ngày 14/5/2019 Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ ra Lệnh bắt bị can để tạm giam.

Về vật chứng của vụ án thu giữ được gồm:

- 01 (một) con dao găm dài 21cm cả chuôi, màu đen, lưỡi dao dài 09cm, bản rộng nhất 02cm (đã qua sử dụng).

- 02 thanh củi, mỗi thanh dài khoảng 01m

- 01 (một) dây thừng màu đen, hồng dài 3,72m.

Cáo trạng số 11/CT-VKSĐV ngày 28 tháng 5 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh H đã truy tố Sùng Mí S về tội: Cố ý gây thương tích theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa Sùng Mí S đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai mà bị cáo đã khai trước đó trong quá trình điều tra như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát đã nêu.

Trong phần tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Sùng Mí S, tên gọi khác: Sùng Nỗ S phạm tội "Cố ý gây thương tích".

- Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt Sùng Mí S từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) con dao găm dài 21cm cả chuôi, màu đen, lưỡi dao dài 09cm, bản rộng nhất 02cm (đã qua sử dụng); 02 thanh củi, mỗi thanh dài khoảng 01m; 01 (một) dây thừng màu đen, hồng dài 3,72m.

- Về án phí sơ thẩm hình sự: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Trợ giúp viên pháp lý trình bày quan điểm bào chữa cho bị cáo Sùng Mí S: Về tội danh nhất trí với cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo; Về hình

phạt. Bị cáo Sùng Mí S là người dân tộc, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, không có trình độ học vấn nên nhận thức pháp luật hạn chế, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo Sùng Mí S từ 06 đến 09 tháng tù là phù hợp.

Bị cáo Sùng Mí S không có ý kiến bổ sung đối với quan điểm bào chữa của Trợ giúp viên pháp lý đã trình bày, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử, xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, người bào chữa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Sùng Mí S đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã nêu, lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với các lời khai mà bị cáo đã khai trước đó trong quá trình điều tra được lưu trong hồ sơ vụ án. Hành vi phạm tội của bị cáo còn được chứng minh bằng các chứng cứ như: Biên bản khám nghiệm hiện trường; Sơ đồ cùng bản ảnh hiện trường; Biên bản thu giữ tài liệu, vật chứng; Bản kết luận giám định Pháp y thương tích của Trung tâm giám định pháp y tỉnh Hà Giang; Kết luận giám định AND của Viện khoa học hình sự Bộ Công an; Kết luận giám định pháp y tâm thần của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực miền núi phía Bắc kết luận: Tại thời điểm phạm tội Sùng Mí S không bị tâm thần, đủ khả năng nhận thức và đủ khả năng điều khiển hành vi; Biên bản thực nghiệm điều tra; Sơ đồ thực nghiệm điều tra cùng bản ảnh thực nghiệm điều tra; Lời khai của bị hại Sùng Thị T, Sùng Mí C; Lời khai người làm chứng Sùng Thị M, Vàng Thị D1, Sùng Thị S cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Vì vậy, có đủ căn cứ kết luận: Vào khoảng Khoảng 07 giờ 10 phút, ngày 21/11/2018, Sùng Mí S, sinh năm 1977, trú tại thôn H, xã S, huyện Đ, tỉnh H đã thực hiện hành vi dùng dao nhọn đâm trúng vào phần nách bên trái của chị Sùng Thị T làm chị T tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 2% (hai phần trăm); đối với Sùng Mí C trong lúc giằng co với S đã bị thương ở bàn tay nhưng

C đã có đơn từ chối giám định do vết thương đã khỏi đồng thời cũng không yêu cầu Sùng phải bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Hành vi dùng hung khí nguy hiểm (dao) đâm chị Sùng Thị T của Sùng Mí S đã phạm vào tội: Cố ý gây thương tích theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015, có mức phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

[3] Xét tính chất, mức độ phạm tội của Sùng Mí S là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe, tính mạng của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự trị an xã hội ở địa phương. Trước khi phạm tội bị cáo là người đã trưởng thành, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có nhận thức và am hiểu nhất định về pháp luật, dùng hung khí nguy hiểm, thực hiện hành vi phạm tội một cách cố ý, mặc dù thương tích của người bị hại dưới 11%, ngoài việc dùng hung khí nguy hiểm bị cáo còn thường xuyên có hành vi đánh đập vợ là chị Mua Thị D. Vì vậy, khi lượng hình cần áp dụng mức hình phạt cách ly bị cáo ra khỏi xã hội như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, có tính chất răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung; đối với mức hình phạt do người bào chữa đề nghị áp dụng đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy quá nhẹ không phù hợp và tương xứng với tính chất mức độ, hành vi của bị cáo nên không chấp nhận.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong vụ án này bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Sùng Mí S thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo là người dân tộc, sinh sống vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, nhận thức và hiểu biết pháp luật hạn chế nên cần xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo các quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự nhằm thể hiện chính sách pháp luật của Nhà Nước.

[5] Về vật chứng của vụ án: 01 (một) con dao gấp dài 21cm cả chuôi, màu đen, lưỡi dao dài 09cm, bản rộng nhất 02cm (đã qua sử dụng); 02 thanh củi, mỗi thanh dài khoảng 01m; 01 (một) dây thừng màu đen, hồng dài 3,72m.

Hội đồng xét xử, xét thấy những vật chứng trên không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định.

Về án phí sơ thẩm hình sự: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Sùng Mí S, tên gọi khác: Sùng Nỏ S phạm tội: “Cố ý gây thương tích”.

- Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt Sùng Mí S 12 (Mười hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày 14 tháng 5 năm 2019

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy 01 (một) con dao gấp dài 21cm cả chuôi, màu đen, lưỡi dao dài 09cm, bản rộng nhất 02cm (*đã qua sử dụng*); 02 que củi gỗ, trong đó 01 que dài 86cm, đường kính 1,9cm; 01 que dài 95cm, đường kính 1,8cm; 01 (một) dây thừng màu đen - hồng dài 3,72m (*đã qua sử dụng*).

Hình dạng, đặc điểm như biên bản giao nhận ngày 24/6/2019 giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ và Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh H.

- Về án phí sơ thẩm hình sự: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Sùng Mí S phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*).

“Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án và 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án đối với người vắng mặt tại phiên tòa./.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA, TAND tỉnh H;
- VKSND tỉnh H;
- Công an huyện Đ;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Bị cáo Sùng Mí S;
- Bị hại; người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Xuân Long